

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/DS-ST  
Ngày: 28/11/2025  
Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Sĩ Thạo

Ông Nguyễn Trường Sinh;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Trương Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 114/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Lê Văn N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp L, xã LT, tỉnh V. Có mặt

**Bị đơn:** Ông Võ Văn L, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp L, xã LT, tỉnh V. Có mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp L, xã LT, tỉnh V. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp L, xã LT, tỉnh V. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày: Ông N có thửa đất thửa 454, tờ bản đồ

số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là Ấp L, xã LT, tỉnh V) do ông Lê Văn N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất này ông N nhận tặng cho từ cha ruột là ông Lê Văn Tá và mẹ ruột là bà Từ Thị Nhuận cách đây khoảng 20 năm. Vào năm 2021 ông Lê Văn N chuyển nhượng cho ông Võ Văn L một phần diện tích đất của thửa 454 với chiều ngang 8m và chiều dài là hơn 60m, giá là 20.000.000 đồng/mét ngang với tổng số tiền 160.000.000 đồng. Vì vậy, ông N mới tách thửa 454 thành 02 thửa gồm thửa 2064, diện tích 1302,4m<sup>2</sup> và thửa 2063, diện tích 505,6m<sup>2</sup>. Thửa 2063 ông N chuyển nhượng toàn bộ diện tích cho ông Võ Văn L. Thửa 2064 ông N tiếp tục quản lý sử dụng.

Trong quá trình sử dụng, vào năm 2022 bà B vợ ông L tiến hành xây cất nhà ở trên thửa 2063, loại nhà có nền gạch men, vách làm bằng tole, mái tole, mặt trước xây tường, cột bê tông và gỗ. Khi xây dựng nhà, bà B đã xây lấn chiếm qua thửa 2064 của ông N nên ông có ngăn cản nhưng bà B vẫn tiếp tục làm hoàn thành căn nhà như hiện nay.

Theo đơn khởi kiện ban đầu ông yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B tháo dỡ, di dời tài sản và trả lại cho ông diện tích tranh chấp là 60m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long). Nhưng sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì ông N khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp và trả lại cho ông tổng diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup>, nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn ông Võ Văn L trình bày:* Ông L thống nhất nguồn gốc của thửa 2063, diện tích 505,6m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long) do ông nhận chuyển nhượng từ ông N như ông N đã trình bày là đúng. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông N thì vào tháng 6/2022, vợ ông là bà Nguyễn Thị B tiến hành xây dựng nhà ở trên đất, do thời điểm này ông L phải đi chấp hành án nên không có trực tiếp xây dựng nhà. Nhưng ông có nghe bà B nói lại, khi thợ làm nhà đào móng xây nhà thì ở phía tây của thửa 2063 có nhiều gốc cây Bạch Đằng cắm sâu vào đất nên thợ làm nhà không thể đào móng xây nhà được. Vì vậy, giữa bà B và vợ chồng ông N thỏa thuận phần đất ở phía tây có gốc cây Bạch Đằng giáp với đường đất với chiều ngang khoảng 2m sẽ để lại cho vợ chồng ông N sử dụng. Ngược lại, vợ chồng ông N nhường lại cho vợ chồng ông L phần đất có chiều ngang 2m ở phía Đông thửa 2063 nằm trong đất của ông N để cho bà B thuận lợi xây dựng

nhà ở. Chính vì vậy mới có việc nhà của ông L và bà B xây dựng có một phần nằm trên đất tranh chấp như hiện tại. Vì giữa bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị H là chị em ruột nên trong thời gian bà B làm nhà vợ chồng ông N có qua lại trông coi, hỗ trợ, giúp đỡ bà B. Đến khi làm nhà xong khoảng 06 tháng sau thì giữa bà B và Bà Hphát sinh mâu thuẫn dẫn tới việc ông N khởi kiện đòi lại đất. Ông L khẳng định vợ chồng không có ý định lấn chiếm đất như ông N đã trình bày và ông có mong muốn được tiếp tục sử dụng đất tranh chấp nên trong quá trình giải quyết vụ án ông L đồng ý trả lại cho ông N giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp với giá là 60.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, ông L tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản là một phần nhà ở, nhà vệ sinh và tài sản khác có trên đất tranh chấp để trả lại cho ông N diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup>, nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long).

*Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà B thống nhất với ý kiến trình bày của ông Võ Văn L là đồng ý tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản là một phần nhà ở, nhà vệ sinh và tài sản khác có trên đất tranh chấp để trả lại cho ông N diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup>, nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà H thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Lê Văn N về việc yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp và trả lại cho ông diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup>, nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long).

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B về việc tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản trên đất tranh chấp và trả lại cho ông Lê Văn N diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup>, nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý hỗ trợ cho bị đơn chi phí di dời tài sản với số tiền 5.000.000 đồng. Đồng thời, dành cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ về chi phí di dời tài sản nếu có yêu cầu.

3. Về chi phí tố tụng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về kiến nghị khắc phục: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được Thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B di dời tài sản và trả lại diện tích đất tranh chấp đo đạc là 150,2m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long). Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” thuộc một trong các tranh chấp về đất đai theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vị trí đất tranh chấp tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là Ấp L, xã LT, tỉnh V) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Vĩnh Long) theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ mà pháp luật quy định, thủ tục tố tụng đảm bảo đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về chứng cứ: Đương sự có mặt tại phiên tòa đều không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không đề nghị Tòa án xác minh, lấy lời khai của

người làm chứng cũng như không đề nghị triệu tập thêm ai đến phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4.1]. Xét về quyền sử dụng đất.

Thửa 2064, tờ bản đồ số 7, diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây lâu năm được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Lê Văn N vào ngày 31/5/2021.

Thửa 2063, tờ bản đồ số 7, diện tích 505,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Văn L vào ngày 31/5/2021

[4.2]. Xét về kết quả đo đạc, hiện trạng đất tranh chấp Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ xác định diện tích và hiện trạng đất tranh chấp như sau: Theo công văn số 155/CNKV17-KT ngày 08/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực 17 cung cấp kết quả đo đạc, khảo sát tổng diện tích đất tranh chấp là 150,2m<sup>2</sup> (ký hiệu là (A) theo sơ đồ khu đất), thuộc thửa 2064, tờ bản đồ số 7, tư liệu đo đạc năm 1998. Hiện trạng đất tranh chấp do ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng. Ngoài ra, Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ còn xác định trên đất tranh chấp còn có các tài sản của ông L và bà B bao gồm:

- + Nhà khung tiền chế diện tích 2,35m x 5m = 11,75m<sup>2</sup>;
- + Nhà cột bê tông cốt thép, cột gỗ, vách tole, mặt trước xây tường, mái tole, có kết cầu đỡ gỗ, nền lót gạch men, có trần, diện tích 15m x 0,6m = 9m<sup>2</sup>;
- + Nhà vệ sinh kết cấu móng cột gạch, tường xây gạch, nền lót gạch men, có hầm tự hoại, diện tích 2,2m x 2m = 4,4m<sup>2</sup>;
- + Chuồng trại, nhà tạm kết cấu tre lá, gỗ tạp, diện tích (2,35m x 3,8m) x 2m = 17,86m<sup>2</sup>;
- + Cây Mía, diện tích 0,8m<sup>2</sup>;
- + Cây Chuối: 10 cây;
- + Cây Chanh (dưới 04 năm tuổi) 02 cây.

[4.3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Lê Văn N yêu cầu ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B tháo dỡ, di dời các tài sản có trên đất tranh chấp và trả lại diện tích đất tranh chấp đo đạc là 150,2m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là Ấp

L, xã LT, tỉnh V). Nhận thấy, tại phiên tòa mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích cho ông L, bà B về hậu quả của việc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất bao gồm một phần nhà ở, nhà vệ sinh sẽ ảnh hưởng đến kết cấu của công trình nhà, cũng như tính thẩm mỹ đối với phần còn lại của tài sản nhưng ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B cho rằng không có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất tranh chấp và tự nguyện tháo dỡ, di dời một phần nhà ở, nhà vệ sinh và các tài sản khác để trả lại diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 1302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là xã Long Thành, tỉnh Vĩnh Long) cho ông Lê Văn N. Nhận thấy, đây là sự tự nguyện của bị đơn ông Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B, không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Riêng đối với việc ông Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ chi phí di dời với số tiền là 15.000.000 đồng. Do trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày có nhu cầu sử dụng đất và đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn nên bị đơn không đưa ra yêu cầu về chi phí di dời, không làm đơn phản tố trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này mà Hội đồng xét xử sẽ dành cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ về chi phí di dời tài sản nếu có yêu cầu. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn có thiện chí hỗ trợ cho phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B số tiền chi phí di dời tài sản là 5.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện này của nguyên đơn.

[5]. Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn N tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng đã chi cho thẩm định, định giá tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 163, Điều 164; Điều 170 và Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166, 170, 179 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 31, Điều 37 và Điều 236 của Luật đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2024;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B tự nguyện tháo dỡ, di dời các tài sản có trên đất tranh chấp và trả lại quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 1.302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là Ấp L, xã LT, tỉnh V) cho ông Lê Văn N.

Kích thước, tứ cận của diện tích đất tranh chấp đo đạc thực tế là 150,2m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích 1.302,4m<sup>2</sup>, thửa đất 2064, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã LT, huyện D, tỉnh T (nay là Ấp L, xã LT, tỉnh V) được thể hiện trong sơ đồ khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực 17 cung cấp.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Lê Văn N về việc tự nguyện hỗ trợ cho ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B số tiền 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng chi phí di dời tài sản.

3. Dành cho ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B một vụ kiện dân sự khác để yêu cầu ông Lê Văn N về số tiền hỗ trợ chi phí di dời nếu có yêu cầu.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn N việc tự nguyện chịu số tiền 2.059.787 (*Hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi bảy*) đồng là chi phí đã chi cho thẩm định, định giá tài sản.

5. Về án phí: Buộc ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn N không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0014514 ngày

26 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14 – Vĩnh Long).

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mỹ Linh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN**  
**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Sĩ Thạo      Nguyễn Trường Sinh      Nguyễn Thị Mỹ Linh**